

PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ QUYẾT TOÁN

Công trình: Tuyến kênh B1VC nhà 3 Qua

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Ba Gia)

STT	Cơ cấu	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị quyết toán (1)	Giá trị dự toán (dự thầu) chi tiết được duyệt (2)	Giá trị Chủ đầu tư trình (3)	Tăng (+), giảm (-); dự toán (2) so với (1)	Tăng (+), giảm (-); Chủ đầu tư (3) so với (1)	Chi chú
I	Chi phí xây dựng								
1	Giá trị xây dựng		Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	527.599.000	539.544.271	527.599.000	11.945.271	-	
	* Tổng cộng	GXD		527.599.000	539.544.271	527.599.000	11.945.271	-	
II	Chi phí quản lý dự án (BQL)	BQL		10.841.000	10.841.897	10.841.000	897	-	
III	Chi phí tư vấn (TV)								
1	Chi phí khảo sát	a 1	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	12.253.000	12.480.121	12.253.000	227.121	-	
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	a 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	10.594.000	10.790.885	10.594.000	196.885	-	
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSĐX	a 3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	-	1.866.823	-	1.866.823	-	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	a 4	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	13.588.000	13.844.706	13.588.000	256.706	-	
5	Thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán	a 5		-	2.408.526	-	2.408.526	-	
	* Tổng cộng	TV	(a1 +a5)	36.435.000	41.391.061	36.435.000	4.956.000	-	
IV	Chi phí khác (CK)								
1	Chi phí bảo hiểm	b 1		-	2.967.493	-	2.967.493	-	
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	b 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	-	328.435	-	328.435	-	
3	Chi phí thẩm tra quyết toán	b 3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	500.000	3.420.000	500.000	2.920.000	-	
	* Tổng cộng	CK	(b1 ...+b5)	500.000	6.716.000	500.000	6.215.928	-	
V	Dự phòng	DP		-	1.506.843	-	1.506.843	-	
VI	Tổng kinh phí	TQT	(GXD+BQL+TV+CK+DP)	575.375.000	600.000.000	575.375.000	24.625.000	-	

PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ
Công trình: Tuyến kênh B1VC nhà 3 Qua

(Kèm theo Quyết định số 236 /QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã Ba Gia)

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Giá trị đã cấp, thanh toán cho công trình (Dự án) tính đến ngày đối chiếu K.Bạc	Nợ phải trả (+)	Nợ phải thu (-)
I	Chi phí xây dựng					
1	Giá trị xây lắp đã giảm trừ		527.599.000	527.599.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>	Công ty TNHH xây dựng Hùng Bảy	527.599.000	527.599.000	-	-
II	Chi phí quản lý dự án	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Tiên	10.841.000	10.841.000	-	-
III	Chi phí tư vấn					
1	Chi phí khảo sát	Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn xây dựng Tân Phát	12.253.000	12.253.000	-	-
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn xây dựng Tân Phát	10.594.000	10.594.000	-	-
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Công ty Cổ phần Khảo sát thiết kế - Kiểm định công trình SC	13.588.000	13.588.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		36.435.000	36.435.000	-	-
IV	Chi phí khác					
1	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Kinh tế xã Ba Gia	500.000	500.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		500.000	500.000	-	-
V	Tổng cộng		575.375.000	575.375.000	-	-

